

LƯỢC SỬ VĂN BẢN THƠ CA VIỆT VỀ VIỆT NAM CỦA CÁC TÁC GIẢ TRUNG QUỐC THỜI NHÀ THANH

PANG MINJIA *

Tóm tắt: Bài viết này tiến hành khảo cứu và thống kê các văn bản thơ ca của các tác giả Trung Quốc thời nhà Thanh có nội dung liên quan đến Việt Nam. Thông qua việc phân tích các văn bản thơ được sáng tác trong ba giai đoạn chính của triều đại nhà Thanh (đầu, giữa và cuối triều), nghiên cứu bước đầu làm sáng tỏ các biểu hiện của giao lưu văn hóa, chính trị giữa Trung Quốc và Việt Nam trong bối cảnh lịch sử cụ thể. Qua đó, bài viết góp phần lý giải sâu hơn mối quan hệ lịch sử, văn hóa và ngoại giao giữa hai quốc gia trong thời kỳ này. Đồng thời, nghiên cứu cũng đề cập đến hiện trạng tồn tại của các văn bản thơ, đặc biệt là các bản mộc bản và bản in thạch bản, nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tư liệu của hai dân tộc.

Từ khóa: Văn bản, thơ ca, nhà Thanh, Việt Nam, giao lưu văn hóa

Abstract: This paper surveys and compiles poetic texts written by Qing dynasty Chinese authors concerning Vietnam. By analyzing poetic works composed across the three main historical phases of the Qing dynasty (early, middle, and late periods), the study sheds light on the cultural and political exchanges between China and Vietnam within their respective historical contexts. In doing so, it offers deeper insight into the historical, cultural, and diplomatic relations between the two countries during this era. Furthermore, the paper examines the current state of preservation of these poetic texts, particularly woodblock prints and lithographic editions, to emphasize the importance of safeguarding and promoting the enduring value of this shared literary and cultural heritage.

Keywords: texts, poetry, Qing Dynasty, Vietnam, cultural exchange

1. Đề dẫn

Trong tiến trình giao lưu lịch sử giữa Trung Quốc và Việt Nam, thơ ca luôn là một trong những phương tiện thể hiện sự quan sát, cảm nhận và phản ánh về đối phương. Đặc biệt, từ thời Minh - Thanh trở đi, khi các sứ thần, quan lại, học giả Trung Quốc có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với đất nước và con người Việt Nam, một lượng lớn tác phẩm thơ ca đã ra đời, ghi lại những trải nghiệm, suy tư, cũng như cảm xúc về

cảnh sắc, xã hội và thời cuộc nơi biên viễn. Bài viết này tập trung khảo sát hệ thống văn bản thơ ca viết về Việt Nam của các tác giả Trung Quốc thời nhà Thanh - giai đoạn có tính chất nối tiếp và phát triển so với thời kỳ trước, đồng thời cũng là thời điểm ghi dấu những biến động chính trị - quân sự lớn trong quan hệ hai nước. Bằng cách tiếp cận từ góc độ văn bản học và lịch sử

* GV., Trường Đại học Sư phạm Nam Ninh (Trung Quốc)

văn bản, bài viết tiến hành thống kê, phân loại, đối chiếu và phân tích hình thái lưu truyền của các thi tập có nội dung liên quan đến Việt Nam, từ mộc bản đến thư tịch sao chép, từ bản khắc đơn lẻ đến những thi tập tổng hợp quy mô lớn. Thông qua việc xác lập một lược sử văn bản thơ ca về Việt Nam của các tác giả Trung Quốc thời nhà Thanh, bài viết không chỉ góp phần nhận diện diện mạo văn bản học của dòng thơ này, mà còn làm rõ giá trị tư liệu - lịch sử - văn hóa của nó trong bối cảnh giao lưu Đông Á thời cận đại.

2. Nguồn tài liệu thơ ca thời nhà Thanh viết về Việt Nam

Việc nghiên cứu tình hình lưu giữ và tồn tại của các văn bản thơ ca không chỉ giúp phần bảo tồn di sản văn hóa dân tộc, ngăn chặn nguy cơ mai một hoặc thất lạc các tài liệu quý giá, mà còn đóng vai trò thiết yếu trong việc xác định tính toàn vẹn, mức độ bảo tồn và giá trị nguyên bản của các tư liệu. Đồng thời, quá trình khảo sát văn bản có thể giúp phát hiện thêm những tư liệu chưa được biết đến, cung cấp cơ sở tư liệu cho các lĩnh vực nghiên cứu liên ngành như lịch sử, văn hóa, ngoại giao, từ đó góp phần tái hiện một cách toàn diện và xác thực bức tranh quá khứ. Nhưng tuyển thi tập của các nhà thơ thời nhà Thanh rất nhiều và rải rác, trong số đó, thơ về Việt Nam nằm rải rác khắp nơi, chưa được thống kê một cách hệ thống.

Để xác định và hệ thống hóa các sáng tác thơ ca thời nhà Thanh có liên quan đến Việt Nam, cần dựa vào nhiều nguồn tư liệu

khác nhau, bao gồm: sử liệu chính thức và văn hiến Trung Quốc, các nguồn văn hiến Việt Nam, cũng như thành quả của các công trình nghiên cứu hiện đại. Trước hết là, nhóm tư liệu chính sử và văn hiến Trung Quốc của các tác giả Trung Quốc thời nhà Thanh viết về Việt Nam, tiêu biểu như *Thanh thực lục* 清實錄, *Thanh sử thảo* 清史稿, *Thanh hội điển* 清會典, *Thanh đại thi văn tập hồi biên* 清代詩文集匯編, *Tứ khố toàn thư* 四庫全書, *Tục tu Tứ khố toàn thư* 續修四庫全書, *Tứ khố vị thu thư tập san* 四庫未收書輯刊, *Tứ khố cấm hủy thư tùng san* 四庫禁毀書叢刊, *Tứ khố toàn thư tồn mục tùng thư* 四庫全書存目叢書, v.v... Những tư liệu này không chỉ lưu giữ số lượng lớn các tác phẩm thi ca có liên quan đến Việt Nam mà còn cung cấp thông tin quý giá giúp xác định hệ thống tác giả Trung Quốc thời Thanh từng sáng tác thơ về Việt Nam.

Bên cạnh đó, các văn hiến Việt Nam cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đối chiếu và bổ sung tư liệu, chẳng hạn như: *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* 欽定越史通鑑綱目, *Đại Nam thực lục* 大南實錄, *Lịch triều hiến chương loại chí* 歷朝憲章類志, cùng nhiều văn bản Hán Nôm khác được bảo tồn trong các kho tư liệu Hán Nôm trong và ngoài nước. Các nguồn tư liệu này chứa đựng những ghi chép về hoạt động bang giao, xướng họa thi văn và những trao đổi văn hóa giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Bảng thống kê số lượng tác giả và thơ ca viết về Việt Nam trong các giai đoạn triều đại nhà Thanh

Gian đoạn lịch sử	Số lượng tác giả	Số lượng bài thơ
Đầu triều Thanh (1644 - 1735)	73	192

Giữa triều Thanh (1736 - 1850)	64	138
Cuối triều Thanh (1851 - 1912)	63	183
Tổng cộng	200	513

Bảng thống kê cho thấy thơ ca viết về Việt Nam thời Thanh có sự phân bố theo ba giai đoạn lịch sử khá rõ ràng. Giai đoạn đầu triều Thanh có số lượng tác giả và bài thơ cao nhất (73 tác giả, 192 bài), phản ánh sự quan tâm mạnh mẽ ban đầu, có thể liên quan đến hoạt động bang giao và thiết lập trật tự vùng biên. Giai đoạn giữa (64 tác giả, 138 bài) chứng kiến sự suy giảm, cho thấy mối quan tâm có phần lắng xuống. Đến giai đoạn cuối (63 tác giả, 183 bài), số bài thơ tăng trở lại, có thể phản ánh mối quan hệ phức tạp hơn trong bối cảnh chính trị cuối triều đại. Như vậy, sự biến động về số lượng thơ ca phần nào phản ánh diễn biến trong quan hệ Trung - Việt qua từng thời kỳ của triều Thanh.

3. Văn bản thơ ca thời nhà Thanh về Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

Giai đoạn lịch sử nhà Thanh có thể được phân chia thành ba thời kỳ tương đối rõ rệt. Giai đoạn đầu nhà Thanh bắt đầu từ năm 1644, thời điểm quân Thanh nhập quan và Hoàng đế Thuận Trị chính thức dời đô về Bắc Kinh, kết thúc vào năm 1735 khi Hoàng đế Ung Chính nhường ngôi cho Hoàng đế Càn Long. Giai đoạn giữa nhà Thanh kéo dài từ năm 1736, khi Càn Long đăng cơ, đến trước thời điểm bùng nổ chiến tranh Nha phiến lần thứ nhất vào năm 1840 (hoặc mở rộng đến trước năm 1851 - khởi đầu của phong trào Thái Bình Thiên Quốc). Giai đoạn cuối nhà Thanh bắt đầu từ năm 1851 và kết thúc vào năm 1912 với sự thoái

vị của Hoàng đế Phổ Nghi, đánh dấu sự chấm dứt của triều đại phong kiến cuối cùng và sự thành lập của nước Trung Hoa Dân Quốc.

Trong suốt thời kỳ này, đặc biệt là từ giai đoạn giữa trở đi, nhiều văn nhân và thi sĩ Trung Quốc đã sáng tác thơ ca mô tả, phản ánh và bày tỏ cảm nhận về đất nước Việt Nam. Các tác phẩm thơ ca ấy không chỉ ghi nhận những tiếp xúc và tương tác trong khuôn khổ bang giao, mà còn phản ánh sinh động các khía cạnh văn hóa, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và con người Việt Nam. Qua lăng kính của các thi nhân nhà Thanh, Việt Nam hiện lên như một không gian văn hóa gần gũi nhưng cũng đầy khác biệt, để lại dấu ấn sâu sắc trong tâm thức sáng tác. Những bài thơ này, vì thế, là những minh chứng quý giá cho mối quan hệ giao lưu văn hóa Trung - Việt trong bối cảnh Đông Á tiền hiện đại.

3.1. Giai đoạn đầu triều đại nhà Thanh

Giai đoạn đầu triều Thanh đánh dấu tiến trình thiết lập và củng cố nền cai trị mới sau khi thay thế triều Minh, đồng thời triển khai chính sách hòa nhập các dân tộc nhằm ổn định xã hội và mở rộng ảnh hưởng chính trị. Các vị hoàng đế đầu tiên của triều đại này đều lãnh đạo triều đình vượt qua nhiều biến động. Sau khi hoàn tất công cuộc thống nhất lãnh thổ Trung Quốc, triều Thanh tiếp tục duy trì và thiết lập lại mối quan hệ lễ triều (禮朝) với các quốc gia lân bang, trong đó có Đại Việt (An Nam).

Trước năm 1659, dưới thời Hậu Lê và nhà Mạc, các thể lục chính trị tại Đại Việt vẫn giữ liên hệ triều cống với tàn dư triều Minh như một hình thức duy trì tính chính thống. Tuy nhiên, kể từ sau năm 1660, các chính quyền tại Đại Việt bắt đầu chuyển hướng cầu phong với triều đình nhà Thanh. Cụ thể, năm 1661, triều Thanh phong Mạc Nguyên Thanh (莫元清) làm Đô thống sứ An Nam (安南都統使) và đến năm 1666 (niên hiệu Khang Hy thứ 5), vua Lê Duy Hỷ (黎維禧) được phong vương An Nam.

Quan hệ lễ triều giữa hai nước Trung - Việt trong giai đoạn này được duy trì ở mức độ ổn định và mật thiết, không chỉ giới hạn trong nghi thức triều cống truyền thống, mà còn mở rộng sang nhiều hình thức giao thiệp chính trị - văn hóa khác. Mỗi quan hệ này chủ yếu biểu hiện qua hai hoạt động tiêu biểu là “cầu phong - sắc phong 求封-冊封” và “triều cống - trả lễ 朝貢-回賜”. Trong bối cảnh đó, thơ ca trở thành một hình thức ghi nhận và phản ánh sinh động các hoạt động ngoại giao, đặc biệt là qua các thể loại thơ tiễn biệt, thơ ký hành, thơ ứng chế, v.v... Các sứ thần, học sĩ và văn nhân triều Thanh khi tham gia vào các phái đoàn bang giao thường sáng tác thơ liên quan đến Việt Nam. Phần lớn những sáng tác này được biên tập vào các thi tập cá nhân hoặc các tổng tập nhằm phục vụ việc lưu truyền văn bản và khẳng định vị trí văn hóa - chính trị của tác giả. Một số văn bản và thi tập tiêu biểu hiện còn bảo tồn đến ngày nay, là nguồn tư liệu quý giá phục vụ cho việc nghiên cứu thơ ca về Việt Nam trong thời kỳ đầu triều Thanh.

Định Sơn đường thi tập 定山堂詩集 là thi tập do Cung Đình Tư 龔鼎孳 (1615-

1673) biên soạn, gồm hai phần chính: *Thi tập* 詩集, gồm 43 quyển và *Thi dư* 詩余, gồm 4 quyển, với các bài thơ được sắp xếp theo trình tự niên đại. Thi tập này hiện còn lưu hành dưới nhiều dạng mộc bản được khắc in qua các thời kỳ khác nhau, bao gồm: mộc bản khắc năm Khang Hy thứ 15 (1676) do Ngô Hưng Tô (吳興祚) thực hiện; mộc bản khắc năm Khang Hy thứ 42 (1703); mộc bản thời Càn Long nhà Thanh; mộc bản năm Quang Tự thứ 9 (1883) do Thánh Di thư ốc (聖彝書屋) khắc in; và mộc bản dưới thời Dân Quốc do Chiêm Lộc Trai (瞻麓齋) thực hiện. Trong thi tập này, có hai bài thơ viết về Việt Nam, bao gồm: *Tống Dương Ngạc Châu chức phương sứ An Nam* 送楊鄂職方使安南 (quyển 15) và *Tống Lý Tử Tĩnh thị độc sứ An Nam* 送李子靜侍讀使安南 (quyển 31).

Học Dư đường thi tập 學餘堂詩集 là thi tập do Thi Nhuận Chương 施閔章 (1618-1683) biên soạn, gồm 50 quyển. Thi tập này hiện còn tồn tại dưới nhiều hình thức ấn bản và mộc bản qua các thời kỳ khác nhau, bao gồm: mộc bản khắc dưới triều vua Khang Hy nhà Thanh; mộc bản năm Càn Long thứ 4 (1739); bản tái khắc năm Càn Long thứ 53 (1788); bản tuyển chọn trong *Tứ khố toàn thư* 四庫全書; và bản in thạch năm Tuyên Thống thứ 2 (1910) dưới thời Trung Hoa Dân Quốc, do Quốc học Phù Luân xã (國學扶輪社) ấn hành tại Thượng Hải. Trong thi tập này có một bài thơ liên quan đến Việt Nam, đó là bài *Tống Tôn Như Trai biên tu sách phong An Nam* 送孫如齋編修冊封安南 (quyển 44).

Tây đường thi tập 《西堂詩集》 là thi tập do Vuơ Đổng 尤侗 (1618-1704) biên soạn, gồm 37 quyển. Thi tập hiện còn lưu

hành dưới nhiều dạng mộc bản và ấn bản, trong đó sớm nhất là mộc bản do Phụ Phú đường (父富堂) khắc dưới thời vua Khang Hy; tiếp đến là mộc bản do Hoa Văn đường (華文堂) khắc in. Bản được lưu truyền rộng rãi nhất hiện nay là mộc bản thời vua Gia Khánh, bản được lưu truyền rộng rãi nhất hiện nay là mộc bản thời vua Gia Khánh, do Văn Thụy lâu (文瑞樓) của họ Kim tại Đồng Hương, Chiết Giang thực hiện. Ngoài ra, còn có bản in thạch do Văn Đoan lâu (文端樓) tại Thượng Hải ấn hành vào đầu thời kỳ Dân Quốc. Trong thi tập này có ba bài thơ viết về Việt Nam, gồm: *Tống Tôn Dữ Lập biên tu sứ An Nam* 送孫予立編修使安南 (quyển 5), *Khi Giao Chi* 棄交趾 (quyển 6), *An Nam* 安南 (quyển 5).

Lục Oánh đường tập 六瑩堂集 là thi tập do Lương Bội Lan 梁佩蘭 (1629-1705) biên soạn, gồm 17 quyển, chia thành hai tập: tập một gồm 9 quyển và tập hai gồm 8 quyển. Hiện nay, các bản khắc của thi tập này còn được lưu giữ dưới nhiều hình thức, trong đó có mộc bản được khắc từ năm Khang Hy thứ 44 (1705) đến năm Khang Hy thứ 47 (1708); mộc bản năm Đạo Quang thứ 25 (1845) do Ngũ Thị Thi Tuyết Hiên (伍氏詩雪軒) thực hiện; ngoài ra còn có bản in hiệu đính hiện đại do Nhà xuất bản Đại học Trung Sơn, Trung Quốc, ấn hành năm 1992. Trong hai phần của thi tập này có bốn bài thơ liên quan đến Việt Nam, bao gồm: *Tống nhân nhập An Nam* 送人入安南 (tập một, quyển 8), *Tống Thạch công chi An Nam* 送石公之安南 (tập hai, quyển 3), *Tống Hoàng Nhiếp chi tông tăng khai pháp An Nam* 送黃攝之從僧開法安南 (tập hai, quyển 6), *Tống nhân chi An Nam* 送人之安南 (tập hai, quyển 8).

Bộc Thư Đình tập 曝書亭集 là thi tập do Chu Di Tôn 朱彝尊 (1629-1709) biên soạn, gồm 80 quyển. Trong đó, 22 quyển đầu tập hợp các sáng tác thơ theo thể cổ kim. Toàn bộ thi tập được hoàn thành việc khắc in vào năm Khang Hy thứ 48 (1709), ngay trong năm ông qua đời. Sau đó, bộ sách được Tào Dần (曹寅) cho tái khắc và xuất bản rộng rãi. Ngoài bản mộc khắc nguyên thủy, hiện nay còn lưu hành nhiều ấn bản quan trọng của thi tập này, bao gồm: bản trong *Tứ khố toàn thư* 四庫全書, bản sao ảnh thuộc *Tứ bộ tùng san* 四部叢刊, bản trong *Tứ bộ bị yếu* 四部備要 và bản thuộc *Quốc học cơ bản tùng thư* 國學基本叢書. Các tác phẩm thơ của Chu Di Tôn cũng được hậu thế chú giải và lưu giữ trong ba bản chú thích tiêu biểu: *Bộc Thư Đình tập lục tiên chú* 曝書亭詩錄箋注 của Giang Hạo Nhiên (江浩然), *Bộc Thư Đình thi tập chú* 曝書亭集詩注 của Dương Khiêm (楊謙) và *Bộc Thư Đình tập tiên chú* 曝書亭集箋注 của Tôn Ngân Tra (孫銀槎). Trong thi tập này, có một bài thơ liên quan đến Việt Nam, mang tựa đề *Tống Tôn biên tu Trác sứ An Nam* 送孫編修卓使安南 (quyển 14).

Ngư Dương Sơn Nhân tinh hoa lục 漁洋山人精華錄 là tuyển thi tập tiêu biểu của Vương Sĩ Trinh 王士禛 (1634-1711), gồm 10 quyển. Trong đó phân thành 4 quyển thơ cổ thể và 6 quyển thơ kim thể. Thi tập được khắc in lần đầu vào năm Khang Hy thứ 39 (1700) và được lưu hành rộng rãi trong giới văn nhân đương thời. Dưới triều đại Ung Chính, học giả Huệ Đông (惠棟) đã biên soạn bản *Ngư Dương Sơn Nhân tinh hoa lục huấn toàn* 漁洋山人精華錄訓纂, gồm 10 quyển, chia thành

hai phần, đồng thời kèm theo một bản biên niên tự thuật của Vương Sĩ Trinh. Sau này, học giả Kim Vinh (金榮) tiếp tục bổ chú và hiệu đính, cho ra đời bản *Ngư Dương Sơn Nhân tinh hoa lục tiên chú* 漁洋山人精華錄箋注, gồm 12 quyển chính và 1 quyển bổ chú, trở thành tư liệu tham khảo có giá trị đối với việc nghiên cứu thơ ca thời Khang Hy. Trong thi tập này có một bài thơ liên quan đến Việt Nam, mang tựa đề *Tống Dương Ngạc Châu chức phương phụng chiếu An Nam* 送楊鄂州職方奉詔安南 (quyển 2).

Ly Lục đường tập 離六堂集 là thi tập do Thích Đại Sán 釋大汕 (khoảng 1636-1705) biên soạn, gồm 13 quyển, mở đầu mỗi quyển có kèm 33 bức họa do chính tác giả tự vẽ, tạo nên nét đặc trưng mỹ thuật cho toàn bộ tập sách. Vào năm Khang Hy thứ 34 (1695), Thích Đại Sán được triều đình An Nam (nay là Việt Nam), dưới thời chúa Nguyễn tại Thuận Hóa, chính thức mời sang thuyết giảng kinh pháp. Trong chuyến đi này, ông được tôn xưng là Quốc sư, thể hiện vị thế đặc biệt của ông trong quan hệ Phật giáo và bang giao giữa hai nước. Thi tập này hiện còn lưu giữ một bản khắc năm Khang Hy thứ 38 (1699). Trong đó, có sáu bài thơ đề cập trực tiếp đến Việt Nam, phản ánh những trải nghiệm, cảm xúc và quan hệ bang giao trong thời gian ông lưu trú tại An Nam. Các bài thơ cụ thể bao gồm: *Chiêm Thành Trương tiết phụ thi* 占城張節婦詩 (quyển 1), *Vãn Đại Việt quốc xu mật tướng quân chương Thanh Nguyễn công* 挽大越國樞密將軍掌清阮公 (quyển 1), *Độ Giang Vân · An Nam thư sinh* 度江雲 · 安南書聘 (quyển 12), *Ký hoài An Nam Nguyễn quốc vương* 寄懷安

南阮國王 (phần cận cáo), *Tống Hoàn Nhất Pháp Diệt chi An Nam* 送還一法侄之安南 (phần cận cáo), *Tống Hoàn Nhất Pháp Diệt trùng du An Nam* 送還一法侄重遊安南 (phần cận cáo).

Toại sơ đường thi văn tập 遂初堂詩文集 là thi tập do Phan Lỗi 潘耒 (1646-1708) biên soạn, gồm 40 quyển, trong đó có 15 quyển thơ, còn lại là phần văn. Hiện nay, tập sách này vẫn còn lưu giữ một bản khắc dưới triều Khang Hy nhà Thanh, đồng thời có bản riêng mang tên *Toại sơ đường văn tập* 遂初堂文集, gồm 20 quyển văn và 4 quyển thuộc bộ sưu tập cá nhân, được khắc in tại Giang Tô vào năm Khang Hy thứ 49 (1710). Trong thi tập này, có ba bài thơ liên quan đến Việt Nam, gồm: *An Nam hành* 安南行 (quyển 4), *Tống Tôn Dữ Lập biên tu Chu Tinh Công lễ tào phụng sứ An Nam* 送孫子立編修周星公禮曹奉使安南 (quyển 5), *Quá Thủy Dương kiến tường giác vi hoa, tán tri thị Tôn biên tu Dữ Lập có trạch. Dữ Lập sứ An Nam, thốt vu đạo kim tam niên hỷ, trưởng nhiên hữu cảm tức sự thành thi* 過水陽見牆角薇花訊知是孫編修子立故宅子立使安南卒於道今三年矣悵然有感即事成詩 (quyển 6).

Sứ Giao tập 使交集, còn có tên gọi là *Phụng sứ An Nam nhật ký* 奉使安南日記, là một thi tập do Ngô Quang 吳光 (? - ?) biên soạn. Thi tập gồm 124 bài, trong đó có: 66 bài theo thể ngũ ngôn luật thi, 10 bài theo thể tứ ngôn, 12 bài theo thể thất ngôn luật thi, 3 bài theo thể thất ngôn tuyệt cú và 33 bài là thơ tạp thể. Nội dung thi tập phản ánh những điều Ngô Quang nhìn thấy và cảm nhận trong quá trình đi sứ tại An Nam, với ghi chép vừa mang tính tự sự vừa thể hiện cảm xúc cá nhân. Hiện nay, *Sứ Giao*

tập còn được lưu giữ dưới dạng bản khắc do Gia Nghiệp Đường 嘉業堂 của dòng họ Lưu ở Ngô Hưng biên tập và khắc in. Trong thi tập này, có tám bài thơ tiêu biểu viết trực tiếp về Việt Nam, bao gồm: *Lạng Sơn đạo trung* 諒山道中, *Quy Môn Quan* 鬼門關, *Xương Giang chu trung* 昌江舟中, *Nguyên tịch Phú Lương Giang chu trung* 元夕富良江舟中, *Động Bộc trạm* 洞濮站, *Chiêu Đức Quan* 昭德關, *Thái Bình Giang trung Thạch Sơn ca* 太平江中石山歌 và *Tra Giang tạp vịnh* 槎江雜詠.

Sứ Giao ngâm 使交吟 là thi tập do Chu Sán 周燦 (1636-?) biên soạn, gồm 48 bài, ghi chép những cảm nhận và giao lưu thi văn của tác giả trong vai trò phó sứ trong chuyến đi sứ An Nam vào năm Khang Hy thứ 22 (1683). Tác phẩm hiện còn lưu giữ dưới dạng mộc bản khắc thời Khang Hy triều Thanh, tuy năm khắc cụ thể chưa xác định rõ. Toàn bộ 48 bài thơ trong *Sứ Giao tập* đều viết về An Nam, phản ánh hành trình sứ trình cũng như những cảm xúc, quan sát của tác giả Chu Sán trong chuyến đi. Một số bài thơ tiêu biểu có thể kể đến như: *Nam Quan* 南關, *Khởi Quan* 啟關, *Xuất Quan* 出關, *Văn Uyên Châu* 文淵州, *Dạ đễ An Châu* 夜抵安州, *Lệ Nhân dịch tây nam hữu Quy Môn Quan* 蒞仁驛西南方有鬼門關, *Quan ngoại hữu Phục Ba tướng quân từ* 關外有伏波將軍祠, *Đôn My vọng nguyệt tức Tiên Lệ dịch* 屯糜望月即先麗驛, *Hiếu phát Đôn My* 曉發屯糜, *Đôn My đạo trung* 屯糜道中, *Sơn trung tức sự* 山中即事, *Trà Sơn tảo tình* 茶山早晴, *Thọ Xương dịch cai quốc lãnh đạo* 壽昌驛該國領導, *Thị Kiều đạo thượng* 市橋道上, v.v...

Trong giai đoạn đầu của triều đại nhà Thanh, cùng với việc khôi phục và phát triển quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam, các sứ thần hai nước thường xuyên qua lại, tạo điều kiện thuận lợi cho sự giao lưu văn học và sáng tác thơ ca phong phú. Phần lớn các bài thơ trong giai đoạn này thể hiện tâm trạng lưu luyến, nỗi niềm không nỡ chia xa và những lời chúc phúc chân thành gửi đến bằng hữu. Bên cạnh đó, các thi nhân cũng giới thiệu đến độc giả những đặc điểm văn hóa đặc sắc của Việt Nam, tham gia vào các cuộc xướng họa thơ giữa hai bên, đồng thời ghi lại cảm nhận và trải nghiệm cá nhân trong hành trình sứ trình. Mặc dù những bài thơ này thường được tuyển chọn và lưu giữ rải rác trong các thi tập cá nhân, nhưng chúng vẫn thể hiện sâu sắc bối cảnh lịch sử, cảnh quan đất nước và thế giới nội tâm giàu cảm xúc của các nhà thơ Trung - Việt. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của thời gian và các yếu tố như chiến tranh, số lượng bản thảo còn được bảo tồn đến ngày nay là vô cùng hạn chế. Hiện nay, phần lớn các bản thơ này được lưu giữ tại các cơ sở văn hóa như thư viện, bảo tàng và trung tâm lưu trữ.

3.2. Giai đoạn giữa triều đại nhà Thanh

Giai đoạn giữa triều đại nhà Thanh, từ khoảng nửa sau thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX, đánh dấu thời kỳ phát triển ổn định và hưng thịnh của Trung Quốc dưới sự trị vì của các Hoàng đế Khang Hy, Ung Chính và Càn Long. Sau gần một thế kỷ củng cố quyền lực, triều Thanh bước vào thời kỳ hoàng kim về phương diện chính trị, kinh tế và văn hóa. Đây cũng là thời kỳ quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam tiếp tục

được duy trì trên cơ sở mô hình triều cống truyền thống. Việt Nam vẫn giữ vai trò là quốc gia phiên thuộc, định kỳ cử sứ thần sang triều kiến, đã nhận được sự công nhận về mặt chính trị từ triều đình nhà Thanh. Đồng thời, những biến động nội bộ tại Việt Nam, đặc biệt là các cuộc chuyển giao quyền lực, đều nhận được sự quan tâm và can thiệp nhất định từ phía nhà Thanh. Tiêu biểu là vào năm 1789 (niên hiệu Càn Long thứ 54), Nguyễn Quang Bình là người sáng lập triều đại Tây Sơn - được triều Thanh phong làm An Nam quốc vương. Đến năm 1803 (niên hiệu Gia Khánh thứ 8), Nguyễn Phúc Ánh là người khai sáng triều Nguyễn - cũng được phong vương, đánh dấu sự chuyển giao triều đại được xác lập dưới sự công nhận chính thức của Trung Hoa.

Trong bối cảnh bang giao ổn định nhưng đầy biến động này, các nhà thơ Trung Quốc thời kỳ giữa triều Thanh đã ghi lại nhiều chi tiết sinh động về văn hóa, địa lý, phong tục, cũng như tình hình chính trị, lịch sử của Việt Nam trong các tác phẩm thơ ca của mình. Các bài thơ không chỉ phản ánh cảm xúc cá nhân khi đi sứ hay tiếp xúc với sứ thần Việt Nam, mà còn thể hiện tinh thần hữu nghị, giao lưu văn hóa sâu sắc giữa hai quốc gia. Hiện nay, một số văn bản thơ tiêu biểu còn lưu giữ được từ giai đoạn này bao gồm:

Chất Viên thi tập 質園詩集 là thi tập do Thương Bàn 商盤 (1701-1767) biên soạn, gồm 32 quyển, tập hợp thơ cổ thể và cận thể được sáng tác trong suốt sự nghiệp chính trị và học thuật của tác giả. Đặc biệt, một số bài thơ trong tập thơ này được sáng tác trong thời gian ông giữ chức Tri phủ tại Quảng Tây, khi có nhiệm vụ tiếp đãi và hộ

tổng các phái đoàn sứ thần từ An Nam. Hiện nay, thi tập này còn được lưu giữ dưới nhiều dạng văn bản quý hiếm, bao gồm: mộc bản thời Khang Hy triều Thanh; mộc bản khắc vào năm Càn Long thứ 19 (1754); bản in tại Châm Trĩ sơn phòng (斟雉山房) thời Càn Long; mộc bản năm Gia Khánh thứ 8 (1803); và một bản mộc bản thời Thanh hiện được lưu trữ tại Thư viện Tĩnh Gia (靜嘉堂文庫), Nhật Bản. Trong thi tập này, có năm bài thơ viết về Việt Nam, bao gồm: *Tổng An Nam cống sứ quy quốc* (hai bài) 送安南貢使歸國 (二首) (quyển 27), *Trấn Nam Quan* 鎮南關 (quyển 27), *An Nam tam cống sứ họa thi lục chương kiến di phục thành ngũ luật dĩ đáp ân cần* 安南三貢使和詩六章見貽復成五律以答殷勤 (quyển 27), *Hộ tổng cống sứ tín túc bưu đình đồ trung ngẫu vịnh* 護送貢使信宿郵亭途中偶詠 (quyển 27).

Trong *Ngự chế thi ngữ tập* 御製詩五集 là thi tập do Hoàng đế Cao tông Ái Tân Giác La·Hoàng Lịch 愛新覺羅·弘曆 (1711-1799) sáng tác, gồm 100 quyển. thi tập này hiện còn lưu giữ dưới dạng mộc bản được khắc từ năm Càn Long thứ 14 (1749) đến năm Gia Khánh thứ 5 (1800), trong đó có bản khắc tại Võ Anh Điện (武英殿, thường gọi tắt là Điện bản 殿本) và các bản mộc được tái khắc tại tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Trong thi tập này, có tổng cộng 12 bài thơ đề cập trực tiếp đến Việt Nam. Các bài thơ chủ yếu xoay quanh những sự kiện quan trọng liên quan đến việc phong vương, tiếp nhận biểu chương, ban sư và thiết lập quan hệ triều cống giữa nhà Thanh và các chính quyền đương thời của Việt Nam. Cụ thể bao gồm: *Tôn Sĩ Nghị tấu báo khắc phục Lê thành, phục phong Lê Duy Kỳ vi An Nam quốc vương*

thi ca dĩ chí hỷ 孫士毅奏報克復黎城復封黎維祁為安南國王詩歌以志喜 (quyển 42), *Trọng Hoa cung trà yến dụng khám định An Nam phong Lê Duy Kỳ vi quốc vương công thành liên câu thị nhật phục nhất nhật nhị luật nhất vận* 重華宮茶宴用勘定安南封黎維祁為國王功成聯句是日復一日二律一韻 (quyển 42), *Khám định An Nam, phục phong Lê Duy Kỳ vi quốc vương, công thành liên câu* 勘定安南復封黎維祁為國王功成聯句 (quyển 43), *Giáng chỉ mệnh Tôn Sĩ Nghị ban sư khải toàn thi dĩ chí sự* 降旨命孫士毅班師凱旋詩以志事 (quyển 44), *Tôn Sĩ Nghị tâu Nguyễn Huệ xâm bực Lê thành, Lê Duy Kỳ phục độn, quan quân triệt hồi Trấn Nam Quan thi sĩ chí sự* 孫士毅奏阮惠侵逼黎城黎維祁復遁官軍撤回鎮南關詩以志事 (quyển 48), *An Nam Nguyễn Huệ tiến biểu hối tội đầu thành quy thuận ký doãn kỳ thỉnh thi dĩ chí sự* 安南阮惠進表悔罪投誠歸順既允其請詩以志事 (quyển 48), *Bổ vịnh An Nam chiến đồ lục luật hữu tự* 補詠安南戰圖六律有序 (quyển 50), *Tân phong An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình khiển bồi thần tiến cống, tịnh xưng minh niên tam nguyệt khởi trình nhập cận thi dĩ chí sự* 新封安南國王阮光平遣陪臣進貢並稱明年三月啟程入覲詩以志事 (quyển 50), *An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình chí Tị thử sơn trang, bệ kiến thi dĩ tứ chi* 安南國王阮光平至避暑山莊陛見詩以賜之 (quyển 59), *An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình khát tuân thiên triều y quan, gia doãn kỳ thỉnh, tịnh thi tứ chi* 安南國王阮光平乞遵天朝衣冠嘉允其請並詩賜之 (quyển 59), *An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình cố, thi dĩ tứ luy* 安南國王阮光平故詩以賜誄 (quyển 78), *Ân tứ cố An Nam quốc vương Nguyễn*

Quang Bình gia thụy Trung Thuần, thi dĩ chí sự, tịnh mệnh lạc bi 恩賜故安南國王阮光平加謚忠純詩以志事並命勒碑 (quyển 81).

Tiểu Thương sơn phòng thi tập 小倉山房詩集 là thi tập do Viên Mai 袁枚 (1716-1797) biên soạn, gồm 39 quyển, tập hợp nhiều thể thơ cổ kim với nội dung phong phú. Các đề tài trong thi tập bao gồm tả cảnh, trữ tình, kể chuyện, nghị luận, phản ánh một phạm vi rộng lớn trong đời sống và tư tưởng của tác giả. Hiện nay, thi tập này còn lưu giữ dưới dạng bản khắc của triều đại Càn Long nhà Thanh; tàng bản của Tùy Viên thời Gia Khánh; cùng với một số bản in thời Thanh được lưu trữ tại Thư viện Nội các của Nhật Bản. Trong thi tập có một bài thơ liên quan đến Việt Nam, mang tên *Bình An Nam ca vi Bồ Sơn thượng thư tác* 平安南歌為補山尚書作 (quyển 32).

Đồng Cổ thư đường di thảo 銅鼓書堂遺稿 là tập di thảo do Tra Lễ 查禮 (1716-1783) biên soạn, gồm 32 quyển, bao gồm nhiều thể loại như thơ văn, phê bình thơ và tạp bút. Trong thời gian giữ chức Tri phủ Thái Bình phủ, Quảng Tây, vùng đất tiếp giáp với An Nam suốt tám năm, Tra Lễ đã ghi lại nhiều bài thơ ghi nhận việc tiếp đãi và giao lưu với các đoàn sứ giả An Nam. Thi tập hiện còn bản khắc do Tra Thuần thực hiện trong khoảng thời gian từ năm Càn Long thứ 53 đến năm thứ 57 (1788–1792). Trong đó có hai mươi bài thơ viết về Việt Nam, thể hiện sinh động các hoạt động bang giao cũng như cảm nhận cá nhân của tác giả về đoàn sứ thần nước láng giềng. Một số bài thơ tiêu biểu có thể kể đến như: *Khởi Trấn Nam Quan nạp An*

Nam quốc công sứ (bốn bài) 啟鎮南關納安南國貢使 (四首) (quyển 14), *Nhị thập ngũ nhật giai An Nam sứ túc Mạc Phủ Doanh* 二十五日偕安南使宿幕府營 (quyển 14), *Tổng Đức Thận Trai thị độc Cố Túc Tồn đình úy phụng sứ An Nam* 送德慎齋侍讀顧息存廷尉奉使安南 (quyển 15), *Tổng chính sứ Đức Thận Trai thị độc* 送正使德慎齋侍讀 (quyển 15), *Chính nguyệt nhị thập bát nhật khởi Trần Nam Quan tổng An Nam công thần Trần Ái Xuân thị lang, Lê Doãn Hậu thí giảng, Trịnh Tác Lâm thị chế hồi quốc (hai bài)* 正月二十八日啟鎮南關送安南貢臣陳愛春侍郎、黎允厚試講、鄭作霖侍制回國 (二首) (quyển 15), v.v...

Tỉnh Ngô trai thi phú tập 《省吾齋詩賦集》 là thi tập do Đậu Quang Nại 竇光鼐 (1720-1795) sáng tác, gồm 12 quyển, do người con trai thứ hai của ông là Đậu Nhữ Tuyên 竇汝瑄 biên tập và hiệu đính. Từ quyển thứ ba đến quyển thứ tám, nội dung chủ yếu là thơ ca chính trị, với nhiều bài thơ ca ngợi triều đình và các sự kiện trọng đại đương thời. Trong vai trò một văn thần trong triều, Đậu Quang Nại đã thể hiện tinh thần trung quân và ghi chép lại nhiều sự kiện chính trị lớn, bao gồm cả những lần giao lưu chính trị giữa Trung Quốc và các quốc gia lân bang. Thi tập này hiện còn một bản khắc in dưới thời Càn Long, cùng với một bản khắc vào năm Gia Khánh thứ 6 (1801). Trong số các tác phẩm được lưu giữ, có hai bài thơ liên quan đến Việt Nam, bao gồm: *Cung bạt ngự chế bình An Nam văn thi* 恭跋御製平安南文詩 (quyển 3), *Cung bạt ngự chế thập toàn ký* 恭跋御製十全記 (quyển 4).

Áu Bắc tập 甌北集 là thi tập do Triệu

Dực 趙翼(1727-1814) biên soạn, gồm 53 quyển, được sắp xếp theo trình tự thời gian, tuyển tập toàn bộ những bài thơ ông sáng tác trong suốt cuộc đời. Với vai trò một danh sĩ kiêm quan lại, trong thời gian đảm nhiệm chức Tri phủ tại Quảng Tây, một khu vực giáp ranh với An Nam, Triệu Dực đã để lại nhiều bài thơ phản ánh quan điểm, tư tưởng và cảm xúc cá nhân về tình hình vùng biên giới giữa hai nước. Các bài thơ này không chỉ ghi lại thực cảnh vùng biên mà còn thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến quan hệ chính trị, địa lý và văn hóa khu vực. Thi tập hiện còn bản khắc của Trại Di đường (湛貽堂) vào năm Gia Long thứ 17 (1812) và một bản khắc in tại Điền Nam Nam đường thị (滇南南唐氏) vào năm Quang Tự thứ 3 (1877). Trong thi tập này có bốn bài thơ viết về Việt Nam, bao gồm: *Hành biên* 行邊 (quyển 13), *Thụ hải ca* 樹海歌 (quyển 13), *Hịch An Nam quan khám địa* 檄安南官勘地 (quyển 16), *Đề Thôi Vân Khách Thái thú sách hanh tòng quân đồ* 題崔雲客太守冊亨從軍圖 (quyển 51).

Phục Sơ trai thi tập 復初齋詩集 là thi tập do Ông Phương Cương 翁方綱 (1733-1818) biên soạn, gồm 70 quyển, tuyển chọn các bài thơ sáng tác trong suốt cuộc đời của tác giả, là một danh sĩ nổi bật trong giới học thuật và chính trị thời Càn Long. Thi tập này hiện tồn tại dưới nhiều dạng một bản khắc khác nhau, tiêu biểu gồm: một bản khắc năm Càn Long thứ 5 (1740), một bản khắc lại vào năm Đạo Quang thứ 26 (1846), do Diệp Chí Sâm (葉志詵) thực hiện. Ngoài ra, bản in của *Tục tu Tứ khố toàn thư* 續修四庫全書 do Nhà xuất bản Sách Cổ Thượng Hải ấn hành cũng được phục dựng từ bản một của thời Đạo Quang,

góp phần bảo tồn và phổ biến văn bản này trong giới nghiên cứu hiện đại. Trong thi tập này, có hai bài thơ viết về Việt Nam, cụ thể là: *Đồng mã thiên thị Phùng Sinh* 銅馬篇示馮生 (quyển 3), *An Nam chung ca tịnh tự* 安南鐘歌並序 (quyển 3).

Đồng Sơn thi tập 童山詩集 là thi tập do Lý Điều Nguyên 李調元 (1734-1803) biên soạn, gồm 42 quyển, tuyển chọn các tác phẩm thơ được sáng tác từ năm Càn Long thứ 13 (1748) đến năm Gia Khánh thứ 7 (1802). Hiện nay, thi tập còn tồn tại dưới hai dạng bản khắc tiêu biểu: Mộc bản của Vạn Quyển Lâu Lý Thị tại Miên Châu, được khắc vào thời Càn Long, bản in tái bản có sửa chữa, bổ sung do Lý Triều Quý 李朝夔 thực hiện vào năm Đạo Quang thứ 5 (1825). Trong thi tập này có ba bài thơ liên quan đến Việt Nam, bao gồm: *Tống Đại đình úy Cố Túc Tôn tiên sinh Nhữ Tu sách phong An Nam* 送大廷尉顧息存先生汝修冊封安南 (quyển 7), *Họa An Nam sứ thần Nguyễn Huy Oánh đề bích thi* (hai bài) 和安南使臣阮輝瑩題壁詩 (二首) (quyển 16).

Thiếu Hạc tiên sinh thi tập 少鶴先生詩鈔 là thi tập của Lý Hiến Kiều 李憲喬 (1746-1799), gồm 681 bài thơ, phản ánh năng lực thi ca và tư duy sáng tạo phong phú của tác giả trong quá trình du hành và làm quan ở nhiều nơi tại Quảng Tây, khu vực tiếp giáp với An Nam. Hiện nay, thi tập này còn lưu giữ dưới các hình thức: Bản sao viết tay thơ vào năm Quang Tự thứ 12 (1886), bản khắc tái bản lại cũng vào năm Quang Tự thứ 12 (1886), bản của triều đại Gia Khánh. Trong thi tập này, có bốn bài thơ viết về Việt Nam, bao gồm: *Truy điệu Lưu tướng quan tịnh tự* 追悼劉將官

並序, *An Nam sứ thần Ngô Thì Nhậm tặng huân hương thì hộ tổng cống sứ chỉ Nam Ninh* 安南使臣吳時任贈薰香時護送貢使至南寧, *Vương Long Châu phụng sứ sách lập An Nam quốc vương, tự Quan ngoại ký thư dữ Nguyễn thứ sử, ngôn Thiếu Hạc tạm tác nhân nhân định đa trước thuật, pha dụng đồ chi, hý trình bách nhị thập tự* 王龍州奉使冊立安南王自關外寄書與阮刺史言少鶴暫作閒人定多著述頗用妒之戲呈百二十字, *Đồng Nguyễn Thứ sử phiếm Lệ Giang vãng phản thất nhật tiêu nhiên vô nhất sự* 同阮刺史泛麗江往返七日儻然無一事.

Duy Thanh trai toàn tập 惟清齋全集 là tuyển tập thơ văn của Đổng Ngạc·Thiết Bảo 董鄂·鐵保 (1752-1824), gồm 19 quyển, được biên soạn một cách hệ thống, bao quát gần như toàn bộ trước tác của ông. Cấu trúc tập sách bao gồm: 2 quyển phả niên (biên niên và gia phả), 2 quyển tấu sớ (văn bản hành chính chính trị), 6 quyển văn sao, 5 quyển thơ sao, 1 quyển thơ ứng chế, 2 quyển *Ngọc Môn thi sao* và 1 quyển từ. Tác phẩm thể hiện rõ năng lực thi văn đa dạng của Thiết Bảo, đồng thời phản ánh vốn hiểu biết sâu rộng của ông về chính trị, văn học, và văn hóa triều đình nhà Thanh. Tập thơ hiện còn mộc bản khắc in năm Đạo Quang thứ 2 (1822) tại Thạch Kinh đường (石經堂), là một tư liệu quý hiếm cho nghiên cứu văn học thời kỳ này. Đặc biệt, trong quyển thơ ứng chế của tập này có hai bài thơ viết về Việt Nam, đều mang tính chất hòa hợp ngự chế (tức là phụ họa thơ của hoàng đế), bao gồm: *Cung họa ngự chế vịnh An Nam chiến đồ lục luật nguyên vận* 恭和御製詠安南戰圖六律元韻, *Cung họa ngự chế An Nam quốc vương Nguyễn*

Quang Bình khát tuân thiên triều y quan, gia doãn kỳ thỉnh, tịnh thi tứ chi nguyên vận 恭和御製安南國王阮光平乞遵天朝衣冠, 嘉允其請, 並詩賜之元韻.

Tại Việt Nam, hiện còn lưu giữ một số tư liệu cổ như *Nhâm Tuất khoá sứ trình thi tập* 壬戌課使程詩集, *Bắc sứ thông lục* 北使通錄, *Kiến văn tiểu lục* 見聞小錄 và *Quế Đường thi tập* 桂堂詩集, v.v... Trong các tư liệu này, đã thống kê được 73 bài thơ xướng họa giữa các sứ thần nhà Thanh như: Đức Bảo 德保 (1719-1789), Cố Nhữ Tu 顧汝修 (1708-1792) và các văn thần An Nam. Trong đó, Đức Bảo sáng tác 17 bài, Cố Nhữ Tu sáng tác 12 bài. Các bài thơ không chỉ phản ánh hoạt động giao lưu văn chương giữa sứ thần Trung Quốc và quan viên An Nam như Trần Danh Lâm, Đoàn Nguyễn Thục, mà còn ghi lại những cuộc xướng họa với các sứ thần An Nam như Lê Quý Đôn và Trần Huy Bích trong thời gian lưu trú tại Quảng Tây. Những tư liệu quý giá này hiện đang được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Việt Nam).

3.3. Giai đoạn cuối triều đại nhà Thanh

Vào cuối thời kỳ nhà Thanh, xã hội Trung Quốc liên tục rơi vào khủng hoảng, với nhiều bất ổn nội tại và áp lực từ bên ngoài. Trong bối cảnh đó, các nhà thơ bắt đầu chuyển hướng quan tâm đến hiện thực xã hội và thời cuộc biến động. Nhiều tác phẩm thơ ca xuất sắc đã ra đời, phản ánh sâu sắc đời sống người dân, ghi lại những biến chuyển của thời đại và thể hiện tâm trạng bất bình, lo âu trước thực trạng đất nước. Trong giai đoạn này, các tuyển tập thơ ca cũng bắt đầu ghi nhận sự giao lưu giữa các thi nhân Trung Quốc và nước ngoài, trong đó có Việt Nam. Xu hướng

này gắn liền với chính sách mở cửa và sự gia tăng mạnh mẽ trong giao lưu văn hóa, văn học giữa Trung Quốc với các quốc gia khác vào cuối thế kỷ XIX. Ngày 27 tháng 4 năm 1885, niên hiệu Quang Tự, nhà Thanh và Pháp đã ký *Hiệp ước Trung - Pháp về Việt Nam* 中法會訂越南條約, còn gọi là *Hiệp ước Trung - Pháp mới* 中法新約. Hiệp ước gồm 10 điều khoản, ngoài việc quy định về việc phân định biên giới Trung - Việt và hoạt động thương mại tại khu vực Vân Nam - Quảng Tây, còn xác lập việc nhà Thanh công nhận Việt Nam là quốc gia thuộc quyền bảo hộ của Pháp. Theo đó, Việt Nam chính thức chấm dứt mối quan hệ lễ triều truyền thống với nhà Thanh và trở thành thuộc địa dưới sự kiểm soát của thực dân Pháp. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam vẫn phần lớn giữ được sự hòa bình, tạo điều kiện cho nhân dân hai nước cùng nhau chống lại ách thống trị phương Tây và nỗ lực giành độc lập dân tộc trong khoảng thời gian từ năm 1885 đến năm 1911. Trong bối cảnh này, nhiều bài thơ xướng họa Trung - Việt đã được lưu truyền, phản ánh tinh thần hợp tác và tình cảm hữu nghị giữa hai dân tộc. Một số văn bản tiêu biểu vẫn còn được lưu giữ cho đến nay bao gồm:

Phụng sứ Việt Nam thi cáo 奉使越南詩稿 là thi tập do Lao Sùng Quang 勞崇光 (1802-1867) biên soạn, không rõ số quyển, là tập thơ có vần bảy chữ. Nội dung các bài thơ chủ yếu phản ánh những gì Lao Sùng Quang đã thấy, nghe và cảm nhận trong đi sứ Việt Nam vào năm 1849. Đây cũng là lần cuối cùng nhà Thanh sắc phong cho vua nước Việt Nam. Thi tập này được lưu giữ dưới dạng bản in vào cuối thời Quang

Tự của nhà Thanh. Tuy nhiên không có phiên bản đầy đủ của thi tập này nên các bài thơ về Việt Nam không thể được xác minh được cụ thể tên bài.

Dưỡng tri thư ốc thi tập 養知書屋詩集 là thi tập do Quách Tung Thao 郭嵩燾 (1818-1891) biên soạn, gồm 15 quyển. Thi tập này hiện còn một bản được khắc tại Tư Hiền Giảng xá (思賢講舍) ở Trường Sa vào năm Quang Tự thứ 18 (1892) triều Thanh. Trong thi tập này có một bài thơ viết về Việt Nam, có tiêu đề: *Tặng Việt Nam sứ thần Nguyễn Nọa Phu Thị lang* 贈越南使臣阮懦夫侍郎 (quyển 4).

Ngọc Sanh lâu thi lục 玉笙樓詩錄 là thi tập do Thẩm Thọ Dung 沈壽榕 (1823-1884) soạn, hiện còn 12 quyển. Thi tập này được khắc in thành một bản đã qua chỉnh lý và mở rộng, thực hiện trong khoảng thời gian từ năm Quang Tự thứ 9 (1883) đến năm Quang Tự thứ 10 (1884). Trong thi tập này có hai mươi một bài thơ viết về Việt Nam, các bài thơ tiêu biểu bao gồm: *Án Sơn cảm dư phòng biên phủ thi tương tặng tẩu bút đáp chi* 筇山感餘防邊賦詩相贈走筆答之 (quyển 12), *Thụ dĩ Nam đạo tức sự thư hoài* (bốn bài) 授迤南道即事書懷(四首) (quyển 12), *Đăng Khai Hóa Phủ thành lâu* (bốn bài) 登開化府城樓(四首), *Nhâm Ngộ lục nguyệt phụng mệnh đới binh xuất cảnh tức sự thuật hoài đắc thi* (mười bài) 壬午六月奉命帶兵出境即事述懷得詩(十首), *Việt dân hiến ngư hương sĩ khước nhi khiển chi* 越民獻牛饗士卻而遣之.

Hoành Hoa quán thi lục 蘅華館詩錄 là thi tập do Vương Thao 王韜 (1828-1897) biên soạn, gồm 6 quyển. Tác phẩm không chỉ tập hợp các sáng tác thơ của tác

giả mà còn kèm theo lời tựa, bài phê bình và phần mở đầu mang tính tự luận. Thi tập này hiện còn bản in typo được xuất bản vào năm Quang Tự thứ 6 (1880), nhà Thanh. Trong thi tập này có sáu bài thơ viết về Việt Nam, các bài thơ đó bao gồm: *Tặng Việt Nam Lê Hòa Hiên Thị lang tức tổng quy quốc* 贈越南黎和軒侍郎即送歸國 (Quyển 4), *Tổng Việt Nam Phan Cửu Hà nông bộ hồi quốc tức hòa kỳ từ biệt nguyên vận* 送越南潘九霞農部回國即和其辭別原韻 (quyển 4), *Việt Nam thông thương ngự vũ khảo* 越南通商御侮考 (quyển 6), *Việt Nam đương thân pháp tự tồn* 越南當親法自存 (quyển 6), *Tổng Lê Thị lang hồi Việt Nam tiền tự* 送黎侍郎回越南前序 (quyển 6), *Tổng Lê Thị lang hồi Việt Nam hậu tự* 送黎侍郎回越南後序 (quyển 6).

Hoán Hoa lư thi tồn 迨華廬詩存 là thi tập do Lý Trinh 李楨 (1830-1891) biên soạn, gồm 4 quyển. Bản hiện nay còn được lưu giữ là bản khắc in do Vương Tiên Khiêm (王先謙) thực hiện vào năm Quang Tự thứ 18 (1892) nhà Thanh. Trong thi tập này có ba bài thơ viết về Việt Nam, bao gồm: *Họa Việt Nam sứ thần Nguyễn Văn Lộc bạc chu Trường Sa hoài Giả Thái phó nguyên vận* 和越南使臣阮雲麓泊舟長沙懷賈太傅原韻 (quyển 1), *Tặng Việt Nam Lê Nguyễn Hoàng tam sứ thần* 贈越南黎阮黃三使臣 (quyển 1), *Hòa Việt Nam Nguyễn Tuân Thúc ký thi nguyên vận phụ lục Tuân Thúc nguyên tác* 和越南阮恂叔寄詩原韻附錄恂叔原作 (quyển 2).

Thản viên thi lục 坦園詩錄 là thi tập do Dương Ân Thọ 楊恩壽 (1835-1891) biên soạn, gồm 20 quyển. Tác phẩm được khởi thảo từ năm 1847 và hoàn tất khi tác

giả qua đời vào năm Quang Tự thứ 17 (1891) nhà Thanh. Thi tập được sắp xếp theo trình tự niên đại và bao gồm nhiều chủ đề cùng thể loại thơ khác nhau. Bản hiện còn là ấn bản do chính tác giả tự khắc vào năm Quang Tự thứ 3 (1877) nhà Thanh. Trong thi tập này có tám bài thơ viết về Việt Nam, cụ thể gồm: *Kỷ Tị Trường Sa chu thứ dữ Việt Nam sứ thần Nguyễn Văn Lộc hữu thi tặng đáp, khoảnh tuân công bộ chánh sứ Bùi Ân Niên Thị lang, hỷ kỳ vô dạng, kỷ Vân Lộc tịnh giản Ân Niên* 已已長沙舟次與越南使臣阮雲麓有詩贈答項詢貢部正使裴殷年侍郎喜其無恙寄雲麓並柬殷年 (quyển 16), *Điệp vận đáp Ân Niên* 疊韻答殷年 (quyển 16), *Điệp vận tuyết hậu Gia Ngư đạo trung giản Việt Nam tam sứ thần* 疊韻雪後嘉魚道中柬越南三使臣 (quyển 16), *Nhị nguyệt thập tam nhật độ giang giai Việt Nam tam sứ thần* 二月十三日渡江偕越南三使臣 (quyển 16), *Ân Niên bệnh trung hữu thi kiến họa điệp vận phụng đáp* 殷年病中有詩見和疊韻奉答 (quyển 16), *Thứ vận tổng biệt Việt Nam tam sứ thần* 次韻送別越南三使臣 (quyển 16), *Việt Nam Bùi Ân Niên ký tặng danh Hương Thượng Quế quốc vương tông phụ Tuy Lý Vương Vi Dã lão nhân dĩ thi kiến tặng, hữu thức khúc phiên tông hải ngoại luận chi câu, tức dĩ vi vận kỷ Ân Niên tịnh đáp Vi Dã* 越南裴殷年寄贈名香上桂國王從父綏理王葦野老人以詩見贈有識曲翻從海外論之句即以爲韻寄殷年並答葦野 (quyển 19), *Thứ vận Chu Minh Kham tuế mạc tạp cảm* 次韻朱暝龕歲莫雜感 (quyển 20).

Thiết Hoạ lâu thi sao 鐵畫樓詩鈔 là thi tập do Trương Âm Hoàn 張蔭桓 (1837-1900) biên soạn, gồm 5 quyển, với tên gọi riêng cho từng quyển: *Canh Quý*

tập 庚癸集, *Phong Mã tập* 風馬集, *Lai Phục tập* 來復集, *Tam Châu tập* 三洲集, *Bất Dị tập* 不易集. Đây là những bản do tác giả tự khắc khi còn sinh thời. Hiện nay còn lưu giữ được bản khắc vào năm Quang Tự thứ 23 (1897) nhà Thanh. Trong thi tập này có bốn bài thơ viết về Việt Nam, cụ thể bao gồm: *Việt Nam cứu bất công tượng, Canh Ngọ nội loạn khát sư, Việt Tây Phùng đề đốc Tử Tài vi chi khám định, niên công ngoại hiến nhị tượng yên, hỷ nhi tác ca* 越南久不貢象庚午內亂乞師粵西馮提督子材爲之勘定年貢外獻二象焉喜而作歌 (quyển 1), *Đắc Ái Nhân liêm sứ thư, thuật Việt Nam sự, tịnh ký nhất thi, viện bút phụng đáp* 得藹仁廉使書述越南事並寄一詩援筆奉答 (quyển 3), *Chu trung thứ vận Việt Nam thi tặng Nguyễn Thanh Cao* 舟中次韻越南詩僧阮清高 (quyển 4), *Đông Trĩ Kỷ Tị xuân, Việt Nam Hồng Lô tự khanh Nguyễn Tư Giản, tự Vân Lộc, nạp công lai kinh, tặng ư trọng ước cung chiêm tịch thượng họa kỳ lưu biệt thi, khoảnh Thanh Cao tặng ngôn kỳ kiến tại, phú thứ đại giản* 同治己巳春越南鴻臚寺卿阮思憫字雲麓納貢來京曾於仲約宮詹席上和其留別詩頃清高僧言其健在賦次代柬 (quyển 4).

La Phù Trĩ Hạc Sơn Nhân thi thảo 羅浮俯鶴山人詩草 là thi tập do Trịnh Quan Ứng 鄭觀應 (1842-1922) biên soạn, gồm 2 tập. Tác phẩm hiện còn tồn tại dưới hai dạng là bản in năm Quang Tự thứ 24 (1898) nhà Thanh và bản typo ấn hành tại Dịch Đường vào năm Tuyên Thống nguyên niên (1909) nhà Thanh. Trong thi tập này có bảy bài thơ viết về Việt Nam, cụ thể bao gồm: *Du Tây Công viên lâm* 遊西貢園林 (quyển 1), *Chúc vương tước Đường Phương Bá lục thập thọ* 祝王爵棠方伯六十壽 (quyển 1),

Văn Trung - Pháp tức chiến cảm phú 聞中法息戰感賦 (quyển 1), *Thời sự Khổng Cức thù bão kỳ ưu vọng Trần Quán Kiến dĩ bị thái trạch* 時事孔亟殊抱杞憂妄陳管見以備採澤 (quyển 1), *Triều Tiên phong tục dữ Việt Nam tương phỏng phú thử chí cảm* 朝鮮風俗與越南相仿賦此志感 (quyển 1), *Quan Lưu Cầu, Việt Nam, Ấn Độ quốc sự hữu cảm* 觀琉球越南印度國事有感 (quyển 2), *Đề Hà Ốc Sinh, Hồ Dục Nam tân chính chân thuyên* 題何沃生胡翼南新政真詮 (quyển 2).

Bảo Tát Sơn Phòng thi cao 抱膝山房詩稿 là thi tập do Doãn Cung Bảo 尹恭保 (1849-1902) biên soạn, gồm 2 quyển. Bản hiện hành được in vào năm Quảng Tự thứ 7 (1881) nhà Thanh. Ngoài tập thơ ra, tác giả còn để lại nhiều tác phẩm khác như *Bảo Tát Sơn Phòng thi văn cao* 抱膝山房詩文稿, *Bảo Tát Sơn Phòng cận thể thi cao* 抱膝山房近體詩稿, *Giang Đông từ cao* 江東詞稿 và *Thượng thư tảo ký* 尚書瑣記, v.v... Trong *Bảo Tát Sơn Phòng thi cao* có mười một bài thơ viết về Việt Nam, cụ thể bao gồm: *Hỷ văn quan quân tiệp vu Lạng Sơn tỉnh* 喜聞官軍捷於諒山省 (quyển 3), *Tướng phó Quảng Tây Long Châu ứng Phan Trung Thừa chi triệu, thượng Trương Hương Đào đại tư mã ngũ thập vận* 將赴廣西龍州應潘中丞之召上張香濤大司馬五十韻 (quyển 4), *Trấn Nam Quan bất thủ cảm phú* 鎮南關不守感賦 (quyển 4), *Xuất quan dĩ lai, gian ư ngộ hợp tự giải* 出關以來艱於遇合自解 (quyển 4), *Hỷ kiến quan binh khắc phục Lạng Sơn* 喜見官兵克復諒山 (quyển 4), *Long Châu lữ quán thư hoài* 龍州旅館書 (quyển 4), *Ai Nam Giao* 哀南交 (quyển 4), *Nam giao ký sự* 南交紀事 (quyển 4), *Phụng sứ Khâm Châu, nghĩ*

tức khát hồi tỉnh cận thân 奉使欽州擬即乞回省覲親 (quyển 5), *Tra giới Khâm Châu* 查界欽州 (quyển 5), *Bình nguy trủng* 平偽塚 (quyển 5).

Hương Hồ thôn xá thi sơ tập 向湖村舍詩初集 là thi tập do Triệu Phan 趙藩 (1851-1927) biên soạn, gồm 12 quyển, tuyển chọn những bài thơ sáng tác từ năm Đồng Trị thứ 3 (1864) đến năm Quang Tự thứ 12 (1886) nhà Thanh, tổng cộng 685 bài thơ. Thi tập được khắc in tại Trường Sa vào đầu tháng Giêng năm Quang Tự thứ 14 (1888) nhà Thanh. Trong tập thơ này có bảy bài thơ liên quan đến Việt Nam, cụ thể bao gồm: *Xuất Điền hậu cửu bất đắc Việt Nam quân tấn cảm phú* 出滇後久不得越南軍訊感賦 (quyển 9), *Việt Nam Tam tuyên Đề đốc Lưu Uyển Đình trấn quân Vĩnh Phúc ký phiên sách thi thư tặng* 越南三宣提督劉淵亭鎮軍永福寄扇索詩書贈 (quyển 10), *Độc sử tạp cảm (bốn bài)* 讀史雜感 (四首) (quyển 11), *Sầm Ngạn Khanh chế phủ Dục Anh thư lai thuật quan quân đại phá Pháp Di ư Việt Nam chi Lâm Thao Phủ trăm quốc thậm đa hỷ, trích thư trung tình sự thảo lục tuyệt cú* 岑彥卿制府毓英書來述官軍大破法夷於越南之臨洮府斬馘甚多喜, 撫書中情事草六絕句 (quyển 11).

Lĩnh Vân Hải Nhật lâu thi sao 嶺雲海日樓詩鈔 là thi tập do Khâu Phùng Giáp 丘逢甲 (1864-1912) biên soạn, gồm 12 quyển, tuyển chọn hơn 1.700 bài thơ được sắp xếp theo trình tự niên đại. Thi tập được khắc in vào năm Tuyên Thống thứ 3 (1911) nhà Thanh, trong đó quyển thứ 7 được khắc riêng từ năm Quang Tự thứ 26 (1900) nhà Thanh. Ấn bản sớm nhất hiện còn tồn tại là bản in vào mùa thu năm thứ 2 Trung

Hoa Dân Quốc (1913), bên cạnh bản sắp chữ tại Quảng Châu xuất bản năm 1937. Trong thi tập này có hai bài thơ liên quan đến Việt Nam, bao gồm: *Nhị nguyệt thập ngũ nhật để Tây Cống tác* 二月十五日抵西貢作 (quyển 7), *Tây Cống tạp thi* 西貢雜詩 (quyển 7).

Dựa trên các tư liệu thu thập được, chúng tôi đã tiến hành phân loại và xác nhận các tác phẩm thơ viết trong và ngoài lãnh thổ vào cuối triều Thanh, phần lớn là mộc bản. Thơ ca giai đoạn này chủ yếu kế thừa nền tảng trung kỳ nhà Thanh, đồng thời mở rộng về đề tài và hình thức, thể hiện diện mạo phong phú hơn. Ngoài việc phản ánh cảnh sắc và hiện thực xã hội Việt Nam, các tác phẩm còn biểu đạt tình cảm cá nhân, lòng yêu nước và nhiều chủ đề khác.

4. Kết luận

Qua quá trình khảo cứu và hệ thống hoá, bài viết đã bước đầu thiết lập được một lược sử văn bản thơ ca viết về Việt Nam của các tác giả Trung Quốc trong suốt thời kỳ nhà Thanh. Trên phương diện tư liệu, nguồn thơ ca về Việt Nam thời Thanh có sự đa dạng về hình thức văn bản, bao gồm mộc bản, bản sao chép tay và các bản in typo cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Các thi tập này phần lớn được biên soạn bởi sứ thần, quan lại, học giả từng trực tiếp sang Việt Nam hoặc tham gia vào các sự kiện có liên quan đến Việt Nam, từ đó phản ánh chân thực những tương tác chính trị, văn hoá và cảm quan cá nhân trong bối cảnh lịch sử cụ thể.

Về phương diện lịch sử văn bản, thơ ca viết về Việt Nam dưới triều Thanh có thể chia thành ba giai đoạn: đầu, giữa và cuối

triều đại. Giai đoạn đầu triều Thanh, các bài thơ chủ yếu mang tính ghi chép phong cảnh và ghi nhận bước đầu giao lưu; sang giai đoạn giữa triều đại, số lượng thơ gia tăng, phản ánh rõ nét sự định hình của thể loại này trong dòng chảy thơ sứ trình; đến cuối triều Thanh, trước những biến động quân sự - chính trị giữa hai nước, thơ ca chuyển hướng mạnh sang biểu đạt tâm tư thời cuộc, lòng yêu nước, cũng như suy tư về vận mệnh quốc gia khu vực. Diện mạo văn bản trong giai đoạn này cũng trở nên phong phú hơn với nhiều thi tập quy mô lớn, phản ánh đầy đủ quá trình hình thành, truyền lưu và biến đổi của các văn bản thơ ca về Việt Nam.

Tổng thể, thơ ca viết về Việt Nam của các tác giả Trung Quốc thời nhà Thanh không chỉ là tư liệu văn học có giá trị, mà còn là chứng tích văn bản học giúp nhận diện tiến trình tiếp xúc - nhận thức - biểu đạt về Việt Nam trong tư tưởng văn nhân triều Thanh (Trung Quốc). Bài viết này bước đầu cung cấp cơ sở để tiếp tục khai thác sâu hơn về mặt nội dung, thi pháp cũng như giá trị liên văn hoá của nguồn tư liệu quý báu này trong lịch sử giao lưu văn học Đông Á./.

P.M.J

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (2006), *Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Đỗ Thị Thu Thủy (2015), *Thơ đi sứ Việt Nam từ cuối đời Lê đến đầu thời Nguyễn (1740 - 1820)*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.

3. Hoàng Văn Lâu (1999), *Về tác giả và niên đại của thi tập đi sứ 'Mai dịch tân dư'*, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2, tr.55 - 57.

4. Hoàng Phương Mai (2014), *Nghiên cứu văn kiện ngoại giao của triều đình nhà Nguyễn (Việt Nam) gửi triều đình nhà Thanh (Trung Quốc) giai đoạn 1802-1885*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Lê Thị Hoài Thanh (2019), *Hoạt động đi sứ và tiếp sứ trong quan hệ ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc dưới triều Nguyễn (1802 - 1885)*, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, tr.111-118.

Tài liệu tiếng Trung

6. Bùi Huy Nam (2015), *Chế độ triều cống và sách phong: Nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 1802-1885*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hoa Đông. (裴辉南 (2015), 朝贡与册封:1802 - 1885 年间越南与中国关系研究, 华东师范大学博士论文).

7. Chu Tác Kiệt (2000), *Tập khảo về thơ ca nhà Thanh*, *Tạp chí Văn học Vận luật Trung Quốc*. (朱则杰 (2000), 清诗丛考, 中国韵文学刊).

8. Đới Khả Lai (2004), *Khái luận về quan hệ tông phiên giữa Trung Quốc và Việt Nam thời cổ đại*, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử và Địa lý Biên cương Trung Quốc*. (戴可来 (2004), 略论古代中国和越南之间的宗藩关系, 中国边疆史地研究).

9. Hà Thiên Niên (2006), *Giao lưu giữa thi nhân hai nước trong thư tịch Việt Nam và Trung Quốc*, *Tạp chí Đại học Dương Châu*. (何仟年 (2006), 越中典籍中的两国诗人交往, 扬州大学学报).

10. Lý Na (2014), *Tổng thuật thơ ca của các sứ thần Trung Quốc đi sứ An Nam từ thế kỷ X đến XVIII*, *Tạp chí Học viện Bách Sắc*, tr.96-103. (李娜 (2014), 10 -18 世纪中国使安南使臣出使诗歌综述, 百色学院学报, 第 96-103 页).

11. Lưu Ngọc Quân (2007), *Sứ thần Việt Nam và giao lưu văn học Trung-Việt*, *Tạp chí Nghiên cứu học thuật*. (刘玉珺 (2007), 越南使臣与中越文学交流, 学术研究).

12. *Thanh đại thi văn tập hồi biên* (2010), NXB. Cổ tịch Thượng Hải. (清代诗文集汇编 (2010), 上海古籍出版社).